

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày 20 - 10 - 2022
“*V/v tranh chấp lối đi chung và yêu
cầu hủy GCNQSDĐ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim T

Bà Đỗ Thị Kim T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu M - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân W V:* Hoàng Thị T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp lối đi chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Chung, xã N, thành phố P, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy Q của ông T là anh Trần Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Chung, xã N, thành phố P, tỉnh V; có mặt.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Vũ Quốc H – Văn phòng luật sư Vĩnh Tín thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V; Địa chỉ: Khu đô thị Hùng Vương, thành phố P, tỉnh V; có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Chung, xã N, thành phố P, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy Q của ông Nguyễn Văn Q là bà Trịnh Thị W, sinh năm 1962 (văn bản ủy Q ngày 07/4/2022); vắng mặt.

3. Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trịnh Thị W, sinh năm 1962; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1988; vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; có mặt.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn Chung, xã N, thành phố P, tỉnh V

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984: địa chỉ: Thôn Miếu Gõ, xã N, thành phố P, tỉnh V; vắng mặt

- Ủy ban nhân dân thành phố P; Địa chỉ: Phường Trung Trắc, thành phố P, tỉnh V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tiến D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện theo ủy Q: Ông Hoàng Trọng L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

(Theo Văn bản ủy Q số 1150/VBUQ ngày 06/6/2022); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Năm 1980 nhà nước giao Q sử dụng đất cho anh trai ông T là ông Trần Văn Chiến; năm 1990 gia đình ông T và gia đình ông Chiến đổi đất cho nhau, gia đình ông T sử dụng thửa đất được đổi từ đó tới bây giờ. Năm 2001, gia đình ông T được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Văn T tại thửa số 513, tờ bản đồ 184, diện tích 1121m² do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/2001 có địa chỉ tại: Thôn Chung, xã N, thành phố P, tỉnh V. Tại thời điểm được giao đất từ năm 1980 cho ông Trần Văn Chiến và đến khi gia đình ông T được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất, gia đình ông và gia đình ông Nguyễn Văn Q có sử dụng một lối đi chung có diện tích khoảng 150m², cả hai gia đình đều mở cổng quay ra ngõ đi chung này. Năm 2005, gia đình ông T xây dựng nhà mới, lúc này nhà ông T mở cổng chính quay ra đường Phùng Chí Kiên, cổng cũ quay ra lối đi chung gia đình ông T vẫn sử dụng hàng ngày dùng làm lối đi để chăn thả trâu bò.

Tháng 8 năm 2020, gia đình nhà ông Q đã tự ý chặn lối ra vào cổng nhà ông T ở đường Phùng Chí Kiên, không để gia đình T sử dụng lối đi này nữa, ông Q đã dựng 04 cột sắt tròn, mái vòm vì kèo sắt cột. Nhận thấy Q và lợi ích của gia đình mình bị phương hại nên gia đình ông T đã làm đơn tới UBND xã N để tổ chức hoà giải, giải quyết dứt điểm việc tranh chấp lối đi chung trên nhưng không thành. Cũng tại buổi hoà giải này, gia đình ông T mới được biết năm 2001 nhà ông Q cũng được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất và phần diện tích lối đi chung này nằm trong thửa đất số 514 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Q, điều này thật vô lý khi tất cả hàng xóm xung quanh, bản thân gia đình ông T và gia đình ông Q đều biết đó là phần diện tích lối đi chung của cả hai gia đình sao có thể là phần đất thuộc Q sở hữu của gia đình ông Q. Vì vậy ông T đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 02185 QSDĐ/788/QĐ UB do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Q tại thửa 514 tờ bản đồ 184, đất tại thôn Chung, xã N, thành phố P, tỉnh V; Buộc gia đình ông Q phải tháo dỡ công trình xây dựng công trên diện tích lối đi chung và trả lại diện tích này để hai gia đình cùng sử dụng.

Người đại diện theo ủy Q của bị đơn và là người có Q lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị W trình bày:

Năm 1980 gia đình bà được UBND xã N cấp cho đất ở do ở phía trong nên UBND xã cấp cho một lối đi vào có chiều rộng 3m (nay là đường Phùng Chí Kiên), phía trước là thửa đất của ông Trần Văn Chiến, khi đó gia đình bà có cho nhà ông Chiến đi nhờ. Năm 1991 gia đình ông Chiến đổi đất cho gia đình ông T. Khi nhà ông T đến ở được vài năm thì gia đình bà và gia đình ông T có tranh chấp lối cổng của nhà bà và UBND xã N giải quyết thì xác định đó là lối cổng của gia đình bà và từ đó hai bên không có khúc mắc gì. Năm 2001, gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Q tại thửa số 514, tờ bản đồ 184, diện tích 1940m² do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/2001 có địa chỉ tại: Thôn Chung, xã N, thành phố P, tỉnh V, hai bên gia đình không có thắc mắc gì. Sau đó nhà ông T xây tường rào để ngăn cách giữa hai gia đình, hai bên gia đình cũng không có ý kiến gì; Năm 2004 nhà bà lát cổng cũng không có ý kiến gì. Trước đây nhà ông T xây cổng nhưng gia đình bà không đồng ý, bà bảo không làm được vì đây là cổng nhà bà nhưng gia đình ông T không nghe, đến khi gia đình bà xây cổng thì gia đình ông T cản trở không cho gia đình bà xây. Ngày 26/8/2020 gia đình bà làm cổng để đảm bảo an ninh thì bà Thực (vợ ông T) sang du cổng nhà bà.

Theo xác nhận của UBND xã N giải quyết tranh chấp lối đi chung của hai gia đình ngày 31/8/2020 theo bản đồ địa chính gia đình nhà ông T không có cơ sở xem xét giải quyết vì vị trí lối đi chung đã được cấp cho gia đình bà. Vì vậy bà không đồng ý với đơn khởi kiện của ông T vì gia đình bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Trường hợp nếu gia đình ông T bỏ một phần đất để làm đường ngõ chung cùng gia đình bà thì gia đình bà đồng ý dỡ bỏ trụ cổng để gia đình ông T cùng sử dụng ngõ đi chung.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn Lợi, chị Nguyễn Thị Loan đã có lời trình bày thống nhất với lời khai của bà Trịnh Thị W.

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan: UBND thành phố P do ông Hoàng Trọng Lợi - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố P, là đại diện theo ủy Q trình bày:

Ngày 20/12/2001, Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh (cũ), tỉnh V cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất 02185 QSDĐ/788/QĐ-UB đối với thửa đất số 514, tờ bản đồ 184; diện tích 1940 m; địa chỉ: Thôn Trung, xã N. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất đất cho hộ ông Nguyễn Văn Q đối với thửa đất nêu trên được lưu trữ tại UBND thành phố P gồm có:

1. Quyết định số 788/QĐ-UB ngày 20/12/2001 của UBND huyện Mê Linh.
2. Tờ trình số 158/TT-ĐC ngày 06/12/2001 của phòng Địa chính.
3. Danh sách các chủ sử dụng đất có tên ông Nguyễn Văn Q.

4. Tờ trình số 09 TT/UB ngày 20/10/2001 của UBND xã N.
5. Biên bản ngày 03/10/2001 của Hội đồng đăng ký đất xã N.
6. Thông báo số 15 TB/UB ngày 13/10/2000 về việc công khai hồ sơ đăng ký đất.
7. Biên bản kết thúc công khai số 10 BB/UB ngày 15/9/2000 của UBND xã N.

Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q, UBND xã N đã thực hiện công khai, niêm yết và không nhận được khiếu nại nào. Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Nghị định 04/2000/NĐ-CP của Chính phủ, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn Q là đủ điều kiện. UBND huyện Mê Linh đã cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q theo đúng diện tích tại bản đồ địa chính được đo vẽ năm 1997 (được lưu trữ tại UBND xã N).

Về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đề nghị Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận Q sử dụng đất ngày 20/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Q. UBND huyện Mê Linh đã thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Văn Q theo đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Các đương sự không xuất trình chứng cứ mới.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã đưa ra các chứng cứ, lý lẽ để bảo vệ Q và lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; điểm b khoản 2 Điều 203, khoản 1 Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 175, 176, Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc: *Hủy GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN 02185 QSDĐ/788/QĐ-UB do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Q tại thửa 514 tờ bản đồ 184, đất tại thôn Trung, xã N, thành phố P, W V; Buộc gia đình ông Q phải tháo dỡ công trình xây dựng công trên diện tích lối đi chung và trả lại diện tích này để hai gia đình cùng sử dụng.*

Án phí, chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa vắng mặt ông Hoàng Trọng Lợi là đại diện hợp pháp của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố P, tỉnh V; vắng mặt người đại diện theo ủy Q của bị đơn; vắng mặt anh Nguyễn Văn X, chị Nguyễn Thị Loan là người có Q lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên những người này đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm Q giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện buộc gia đình ông Q phải tháo dỡ công trình xây dựng công trên diện tích lối đi chung và trả lại diện tích này để hai gia đình cùng sử dụng; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 02185 QSDĐ/788/QĐ UB do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/20001 cho hộ ông Nguyễn Văn Q tại thửa 514 tờ bản đồ 184, đất tại thôn Trung, xã N, thành phố P, tỉnh V. Vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp lối đi chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh V

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định lối đi 136m² là lối đi chung của gia đình nhà ông Q và gia đình nhà ông T, phía bị đơn ông Q cho rằng lối đi riêng của gia đình nhà ông Q vì năm 1980 nhà nước cấm đất cho gia đình ông Q phía trong đồng thời cấm cho gia đình ông một lối đi riêng ra đường dân sinh, lối đi này giáp đất với nhà ông Chiến (anh trai ông T) và ông Chiến mở cổng đi ra lối đi này ông Q vẫn cho đi nhờ, Đến năm 1990 ông Chiến đổi đất cho ông T, ông Q vẫn cho ông T đi nhờ lối đi này. Năm 2005 ông T mở cổng chính đi ra đường dân sinh phía trước, cổng phụ đi ra lối đi nhà ông Q chỉ là lối đi đất châu, bờ, nay ông Q không cho ông T đi nhờ hai bên xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã N; xác minh thu thập chứng cứ theo yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Hiện tại UBND xã N không còn lưu giữ bản đồ 299 (Là bản đồ phân loại đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng, đăng ký ruộng đất trong cả nước...)

Theo Bản đồ 1998 được đo vẽ năm 1998 thể hiện:

Thửa đất của hộ ông Trần Văn T là thửa 513 tờ bản đồ 184, diện tích 1.121m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số U 504655 số vào sổ

cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số 02207/QSĐĐ/788/QĐ-UB do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/2001 cho hộ ông Trần Văn T.

Thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Q là thửa 514 tờ bản đồ 184, diện tích 1940m² ở phía trong, có thể hiện lối từ đường dân sinh vào đất nhà ông Q. Hộ ông Q được cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số U 504424 vào sổ cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số 02185/QSĐĐ/788/QĐ-UB do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/2001.

Tại sổ mục kê không ghi năm, quyển số 01 trang 133 thể hiện: Tại tờ bản đồ số 184, thửa đất 153, diện tích 1.121m² chủ sử dụng đất ông Trần Văn T loại đất thổ cư; Tại tờ bản đồ số 184, thửa đất 154, diện tích 1.940m² chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn Q, loại đất thổ cư.

[2.2] Về lối đi các đương sự đang tranh chấp:

Trước đây gia đình ông T có mở cổng ra ngõ (đất đang tranh chấp) đi ra đường chính, sau khi gia đình ông T mở cổng đi ra đường chính thì gia đình ông T vẫn sử dụng lối đi này nhưng chỉ để dắt trâu bò đi.

Năm 1996 -1998 đo đạc bản đồ địa chính, sau đó các hộ nhận đất và kê khai xin cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất các hộ đã nhận đất và không có đề nghị gì.

Khoảng năm 2010 gia đình ông Q lát gạch vào lối đi, địa phương không thấy gia đình ông T bà Thực và ông Q bà W có ý kiến và đề nghị về tranh chấp đất đai (lối đi) và khi đó gia đình ông T bà Thực thỉnh thoảng có đi lại ở lối đi này (vì nhà ông T ở mặt đường Phùng Chí Kiên), nhưng từ khi gia đình ông T làm nhà mới thì gia đình ông T không đi lại ở lối đi này nữa. Năm 2020 gia đình bà W làm cổng đi thì xảy ra tranh chấp, gia đình ông T có làm đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lối đi, UBND xã N đã tổ chức giải quyết, giải hòa giải nhưng không thành. Tại Biên bản “ *V/v xét đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lối đi của ông Trần Văn T*” ngày 31 tháng 8 năm 2020, UBND xã N đã có ý kiến: Đề nghị của ông T không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất của gia đình ông Q, thấy rằng: Ngày 20/12/2001, Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh (cũ), W V cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất 02185/QSĐĐ/788/QĐ-UB đối với thửa đất số 514, tờ bản đồ 184; diện tích 1940 m²; địa chỉ: Thôn Trung, xã N. UBND huyện Mê Linh (cũ) đã thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Văn Q theo đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất đất của ông Nguyễn Văn Q, UBND xã N đã thực hiện công khai, niêm yết và không nhận được khiếu nại nào. UBND huyện Mê Linh đã cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q theo đúng diện tích tại bản đồ địa chính được đo vẽ năm 1997 (được lưu trữ tại UBND xã N).

Theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án cũng đã tiến hành đo đạc kiểm tra diện tích đất của hai hộ thì thấy:

Theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất do UBND huyện Mê Linh đã cấp cho hộ ông Trần Văn T thì gia đình ông T được cấp 1.121m^2 , theo kết quả đo đạc thực tế do Công ty cổ phần đo đạc và tư vấn đầu tư V thực hiện thì diện tích đất nhà ông T là $1.206,9\text{m}^2$, thừa so với giấy chứng nhận là $85,9\text{m}^2$;

Theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất do UBND huyện Mê Linh đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Q thì gia đình ông Q được cấp 1.940m^2 , theo kết quả đo đạc thực tế do Công ty cổ phần đo đạc và tư vấn đầu tư V thực hiện thì diện tích đất nhà ông Q là $1.795,5\text{m}^2$; phần lỗi đi (đang tranh chấp) là 136m^2 , phần lỗi đi này theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất của gia đình ông Q thuộc đất nhà ông Q, nên diện tích đất nhà ông Q là $1.931,5\text{m}^2$, thiếu so với giấy chứng nhận là $8,5\text{m}^2$.

Gia đình ông T và gia đình ông Q đều có ranh giới rõ ràng, xung quanh đều đã xây tường bao loan, không tranh chấp với ai. Vì vậy nguyên nhân sai số là do đo đạc và do tính toán khi đo đạc bản đồ 1998

Xác minh cạnh mặt đường Phùng Chí Kiên, tiếp giáp nhà ông T thì thấy: Cạnh mặt đường Phùng Chí Kiên giáp đất nhà ông T theo bản đồ 1998 là $25,2\text{m}$; kết quả đo đạc thực tế $25,88\text{m}$. Như vậy chiều cạnh này cũng có sự chênh lệch, nguyên nhân do sai số khi đo đạc. Với kết quả này thì Giấy chứng nhận Q sử dụng đất của nhà ông T tương đối phù hợp với giấy chứng nhận.

[2.4] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2022 do có một số tình tiết chưa được làm rõ tại phiên tòa, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh bổ sung, cán bộ địa chính xã N giai đoạn 1973-2005 (ông Lâm Minh Châu) cho biết: Xã N không đo đất thổ cư theo Chỉ thị 299 mà chỉ đo đất ruộng; năm 1998 mới đo đạc bản đồ, đo cả đất thổ cư và đất ruộng, sau khi đo đạc Đoàn đo đạc chịu trách nhiệm phát tờ khai cho từng hộ... Năm 2000 tổ chức làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất thông qua Hội đồng đăng ký cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất của xã, hồ sơ được niêm yết công khai, không có ai thắc mắc gì thì xã mới làm hồ sơ trình UBND huyện Mê Linh. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho các hộ gia đình thời kỳ đó đảm bảo đúng quy định của pháp luật; trường hợp cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất của gia đình ông T và ông Q không có sai sót...

[2.5] Căn cứ vào tài liệu xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương; căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế đã thể hiện: Tại sổ mục kê và sơ đồ năm 1998 do UBND xã N, HTX dịch vụ tổng hợp An Lập, xã N cung cấp tờ bản đồ số 184 chủ hộ ông Nguyễn Văn Q, diện tích đất 1940m^2 , trên bản đồ thể hiện có lối đi từ đường dân sinh vào nhà ông Q là thửa 514, diện tích 1940m^2 và xác định lối đi thuộc Q sử dụng của gia đình ông Q và hộ ông Q đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất năm 2001. Việc cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho gia đình

ông Q có lỗi đi vào đất nhà ông Q đã thể hiện UBND huyện Mê Linh lúc đó đã đảm bảo tính hợp lý cho người sử dụng đất là gia đình ông Q ở phía trong.

Từ những căn cứ nêu trên định lối đi đã được cấp riêng cho hộ ông Q. Việc UBND huyện Mê Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Q căn cứ vào sổ mục kê và bản đồ năm 1998 và thủ tục cấp giấy đúng quy định của luật đất đai.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; điểm b khoản 2 Điều 203, khoản 1 Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 175, 176, Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc: *Hủy GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN 02185 QSDĐ/788/QĐ-UB do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 20/12/20001 cho hộ ông Nguyễn Văn Q tại thửa 514 tờ bản đồ 184, đất tại thôn Trung, xã N, thành phố P, W V. Và buộc gia đình ông Q phải tháo dỡ công trình xây dựng cổng trên diện tích lối đi chung và trả lại diện tích này để hai gia đình cùng sử dụng*

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006790 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự W V. Hoàn trả ông T 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy lăm ngàn đồng).

4. Đương sự có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND W V;
- Cục THADS W V;
- UBND xã N, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thanh